

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; thực hiện Văn bản số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ trong hệ thống các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Xây dựng tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quản lý biên chế theo vị trí việc làm. Chú trọng xây dựng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời đảm bảo cân đối tỷ lệ người địa phương, cán bộ nữ. Tăng cường bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức. Đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Đẩy mạnh cải cách tài chính công. Phát triển Chính quyền điện tử phục vụ hoạt động quản lý, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan, đơn vị bảo đảm thống nhất, kết nối, liên thông và đồng bộ.

- Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được cải thiện; nâng cao chất lượng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin - truyền thông (ICT - Index).

2. Yêu cầu:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện.

- Gắn kết chặt chẽ việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường chỉ đạo, phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn cải cách hành chính với cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về cải cách thể chế:

100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, thống nhất theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, có tính khả thi cao, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận. Tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Triển khai hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo hiệu quả, thiết thực; theo dõi, giám sát, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện tại chỗ (tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, trả kết quả) đối với 20% - 25% thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh hồ sơ; tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thực hiện tại chỗ đối với tối thiểu 50% thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh hồ sơ.

- 100% thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã tiếp tục được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đối với cấp xã. Cải cách mạnh mẽ quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tăng cường ứng dụng thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Từ 35% - 40% thủ tục hành chính đáp ứng được yêu cầu triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động và được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt từ 35% - 40% trở lên.

- 100% đơn vị cấp huyện và 30% các đơn vị cấp tỉnh có thủ tục hành chính được khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; trên 80% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- 100% cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, vị trí việc làm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thực hiện hiệu quả bộ Chỉ số cải cách hành chính áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Hàng năm, ít nhất 30% cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được kiểm tra công vụ, gắn với kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ. Tinh giản biên chế để thanh lọc, tuyển dụng mới theo quy định. Số công chức được tuyển dụng mới không quá 2/3 số công chức ra khỏi biên chế, số còn lại được bổ sung cho các địa phương, đơn vị cần tăng cường.

5. Cải cách tài chính công:

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường phân cấp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước cho cơ quan cấp dưới.

- 100% cơ quan hành chính, 90% đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ về tài chính.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy cải cách hành chính trong toàn hệ thống chính trị, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ người dân, xã hội, nâng cao sự hài lòng, chất lượng cuộc sống cho người dân, tạo động lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội.

- 100% cơ quan trong toàn hệ thống chính trị được đầu tư đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, trên 30% cơ quan, đơn vị được số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành trọng điểm, có sự kết nối chia sẻ dữ liệu qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu - LGSP của tỉnh, hình thành kho dữ liệu lớn (Bigdata) của tỉnh và hệ sinh thái chính quyền điện tử phục vụ hệ thống chính trị và phục vụ xã hội.

- Tối thiểu 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 60% cấp huyện, xã được trao đổi dưới dạng điện tử, trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ công việc có nội dung mật). Các giao dịch giữa Hệ thống thông tin một cửa dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ quốc gia được xác thực điện tử. Các báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống báo cáo Quốc gia; các hệ thống thông tin có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác có kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu - LGSP của tỉnh.

- 30% cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai giải pháp nâng cao an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

- Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi. Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong quá trình xây dựng thể chế; công tác tổng kết, đánh giá thực tiễn, lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân phải được quan tâm, coi trọng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các thể chế ban hành.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; số hóa kết quả thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước để nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc niêm yết, công khai minh bạch thủ tục hành chính, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Triển khai có hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

- Khuyến khích sáp nhập điều chỉnh địa giới hành chính phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước ở địa phương. Sáp nhập hoặc giải thể những đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả hoặc không cần thiết cho công tác quản lý nhà nước. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức hợp lý giữa các cơ quan, đơn vị đảm bảo cân đối về cơ cấu và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và phục vụ sự nghiệp phát triển chung đất nước và của Tỉnh. 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức về quy trình, thẩm quyền, trách nhiệm và có quy định về xử lý các vi phạm; tổ chức thí điểm đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong và ngoài nước theo nhu cầu công việc và vị trí việc làm; nâng cao đạo đức công vụ.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công:

- Thực hiện tốt các chính sách thuế, phí, lệ phí; Quản lý chặt chẽ và khai thác hợp lý các nguồn thu ngân sách nhà nước từ thuế, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh tự chủ về tài chính; đẩy mạnh phân cấp quản lý thu, chi ngân sách nhà nước để tạo sự năng động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ tại các cơ quan đơn vị.

- Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công. Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp, thực hiện có hiệu quả cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, hướng vào kiểm soát đầu ra, chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính của khu vực công. Chuyển đổi mô hình và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng giảm dần việc hỗ trợ từ ngân sách cho các nhiệm vụ mà doanh nghiệp, xã hội có thể đảm đương được.

- Đổi mới hoạt động tài chính công đảm bảo cho việc sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả hơn. Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước.

- Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo, y tế, đẩy mạnh cơ chế tự chủ về tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước về công khai ngân sách nhà nước, đa dạng hóa các hình thức công khai ngân sách nhà nước.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Phát huy hiệu quả cổng thông tin điện tử.

- Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức; cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và tổ chức mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Tăng cường công tác kiểm tra xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính; ưu tiên triển khai ISO điện tử.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện: **16.146** triệu đồng (*có khái toán kinh phí chi tiết thực hiện chương trình cải cách hành chính năm 2021 tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này*).

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình cải cách hành chính: Ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hoá, nguồn khác (nếu có). Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

1.1. Là cơ quan thường trực, tham mưu, giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện, các giải pháp tăng cường chỉ đạo điều hành hiệu quả công tác cải cách hành chính; theo dõi, đánh giá, định kỳ (quý, 6 tháng, năm) báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch này.

1.2. Chủ trì triển khai các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ và các nội dung khác liên quan. Đôn đốc, hướng dẫn các các sở ban; UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính và kinh phí thực hiện năm 2021 theo Kế hoạch này.

1.3. Tổng hợp, xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành báo cáo công tác cải cách hành chính theo quý, 6 tháng và năm gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

1.4. Triển khai rà soát nội dung Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh để làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị, để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) các tiêu chí đánh giá cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

1.5. Phối hợp với các cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng, thực hiện hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Thẩm định nguồn vốn, dự toán kinh phí chi tiết các hoạt động cải cách hành chính, trình UBND tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện.

3. Trách nhiệm của các sở, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện:

3.1. Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính tại đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phân công; lập dự toán kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính gửi về Sở Nội vụ theo dõi và Sở Tài chính để thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm xây dựng báo cáo kết quả triển khai công tác cải cách hành chính gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch công tác cải cách hành chính tỉnh Lào Cai năm 2021, yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁, VX₁, NC₂, KSTT_{1,2}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Xuân Trường

Phụ lục
NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2020
của UBND tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung hoạt động		Khái toán Kinh phí năm 2021	Chia ra			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
			Ngân sách cấp huyện cân đối	Nguồn dự toán chi TX theo định mức chi	Ngân sách tỉnh cấp		
I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ		160	0	0	160		
Hoạt động 1.1	Rà soát hệ thống hóa, lập danh mục văn bản QPPL do HĐND tỉnh ban hành.	60			60	Ban pháp chế HĐND tỉnh	Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan
Hoạt động 1.2	Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến nhân dân về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.	100			100	Các ban HĐND tỉnh theo phân công, chỉ đạo của TT. HĐND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan
II. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		9.100	0	0	9.100		
Hoạt động 2.1	Triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: - Xây dựng quyết định công bố danh mục TTHC, xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. - Kế hoạch triển khai, văn bản chỉ đạo, kế hoạch kiểm tra.. - Công tác bồi dưỡng, tập huấn....	150			150	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 2.2	Nâng cấp sửa chữa cho các đơn vị đã được đầu tư trang thiết bị hiện đại tại Bộ phận một cửa: Năm 2021: 30 xã x 5 triệu/01 đơn vị	150			150	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan

Nội dung hoạt động		Khái toán Kinh phí năm 2021	Chia ra			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
			Ngân sách cấp huyện cân đối	Nguồn dự toán chi TX theo định mức chi	Ngân sách tỉnh cấp		
Hoạt động 2.3	Đầu tư bộ phận một cửa cho các xã của các huyện, thị xã, thành phố: Năm 2021 = 22 xã x 400 triệu/01 đơn vị	8.800			8.800	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan
III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY		80	0	0	80		
Hoạt động 3.1	Xây dựng Đề án hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới 1 sở sở, ngành	80			80	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh
Hoạt động 3.2	Xây dựng Đề án kiện toàn lại các chi cục trực thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh			
Hoạt động 3.3	Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai		Sở Nội vụ	Các đơn vị sự nghiệp công lập			
Hoạt động 3.4	Điều chỉnh Đề án VTVL trong các đơn vị sự nghiệp công lập (50 đơn vị)		Sở Nội vụ	Các đơn vị sự nghiệp công lập			
IV. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		2.068	0	400	1.668		
Hoạt động 4.1	Tập huấn kiến thức hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	136			136	Sở Khoa học Công nghệ (Chi cục TCĐLCL)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 4.2	Cử cán bộ đi đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL thực hiện việc kiểm tra của các cơ quan chủ trì.	25			25	Sở Khoa học Công nghệ (Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm hàng hóa)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 4.3	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng hoạt động đại biểu HĐND các cấp.	491			491	Văn phòng HĐND tỉnh	Đại biểu HĐND các cấp

Nội dung hoạt động		Khái toán Kinh phí năm 2021	Chia ra			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
			Ngân sách cấp huyện cân đối	Nguồn dự toán chi TX theo định mức chi	Ngân sách tỉnh cấp		
Hoạt động 4.4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026	916			916	Văn phòng HĐND tỉnh	Đại biểu HĐND các cấp
Hoạt động 4.5	Nâng cao chất lượng đào tạo; bài giảng cho giáo viên trường Nghề của thành phố Lào Cai	400		400		UBND thành phố Lào Cai	
Hoạt động 4.6	Hỗ trợ công tác xét duyệt tinh giản biên chế, kiểm tra tại các huyện, thành phố, công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện tinh giản biên chế	100			100	Sở Nội vụ	Sở Tài chính
V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		550	0	50	500		
Hoạt động 5.1	Tiếp tục tổ chức rà soát quy định về phân cấp ngân sách; các định mức chi hành chính hiện hành để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.	500			500	Sở Tài chính	Các cơ quan khối Đảng, đoàn thể
Hoạt động 5.2	Ban hành danh mục sự nghiệp công có giá dịch vụ, thực hiện cơ chế đặt hàng một số dịch vụ công sử dụng ngân sách nâng mức độ tự chủ của doanh nghiệp	25		25		Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 5.3	Nâng dần tỷ trọng đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trong tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	25		25		Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
VI. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		1.707	0	0	1.707		
Hoạt động 6.1	Thuê phần mềm và nâng cấp các phần mềm chuyên môn của HĐND tỉnh	300			300	Văn phòng HĐND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông
Hoạt động 6.2	Phần mềm Công Dịch vụ công tỉnh Lào cai	1407			1407	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

Nội dung hoạt động		Khái toán Kinh phí năm 2021	Chia ra			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
			Ngân sách cấp huyện cân đối	Nguồn dự toán chi TX theo định mức chi	Ngân sách tỉnh cấp		
VII. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN		700	0	0	700		
Hoạt động 7.1	Hỗ trợ Tuyên truyền cho các huyện, thị xã, thành phố về công tác CCHC (50 triệu/huyện, thị xã, thành phố)	450			450	Các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan
Hoạt động 7.2	Tuyên truyền Chương trình CCHC; dịch vụ công mức độ 3, 4; dịch vụ bưu chính công ích bằng hình thức in tờ rơi.	100			100	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 7.3	Tuyên truyền công tác CCHC trên Báo điện tử tỉnh Lào Cai.	150			150	Sở Nội vụ	Báo Lào Cai
VIII. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		1.781	450	0	1.331		
Hoạt động 8.1	Kiểm tra - Đánh giá công tác CCHC hàng năm	40			40	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 8.2	Tuyên truyền Chương trình công tác CCHC giai đoạn 2021 - 2025.	276			276	Sở Nội vụ	Đài phát thanh - TH hình tỉnh
Hoạt động 8.3	Tập huấn kỹ năng về công tác CCHC; chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức làm công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	360			360	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 8.4	Đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; lĩnh vực Giáo dục công; Lĩnh vực Y tế công.	265			265	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 8.5	Chi hành chính, văn phòng phẩm cho Thường trực cải cách hành chính của tỉnh.	100			100	Sở Nội vụ	Sở Tài chính

Nội dung hoạt động		Khái toán Kinh phí năm 2021	Chia ra			Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp
			Ngân sách cấp huyện cân đối	Nguồn dự toán chi TX theo định mức chi	Ngân sách tỉnh cấp		
Hoạt động 8.6	Duy trì, cải thiện chỉ số CCHC cấp tỉnh và chấm điểm chỉ số CCHC các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cấp xã.	100			100	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 8.7	Tổ chức chấm điểm chỉ số CCHC cấp xã và các phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (hỗ trợ 50 triệu/huyện, thị xã, thành phố)	450	450			UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ
Hoạt động 8.8	Duy trì, nâng cấp phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC của tỉnh.	50			50	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông
Hoạt động 8.9	Tập huấn nghiệp vụ QLNN về công tác văn thư Lưu trữ, các nội dung đổi mới trong QLNN về công tác VTLT cho cán bộ, công chức làm công tác VTLT trên địa bàn tỉnh Lào Cai	90			90	Sở Nội vụ (Chi cục Văn thư lưu trữ)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Hoạt động 8.10	Xây dựng đề cương Kế hoạch; Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2025; Báo cáo năm 2020; Báo cáo giai đoạn 2016-2020.	50			50	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
Tổng tiền		16.146	450	450	15.246		